


## PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

### PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

<b>DIAMMONIUM PHOSPHATE</b>	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 7783-28-0 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

#### I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: Diamon photphat	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: Diammonium phosphat	
Tên khác (không là tên khoa học): DAP	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: <b>Cty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn</b> 30/17 HT31, KP01, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP.HCM Điện thoại: 028-6683.4499
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
Mục đích sử dụng: Sản xuất sản phẩm phosphate, tinh chế đường, men...	

#### II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Diammonium phosphat	7783-28-0	(NH <sub>4</sub> ) <sub>2</sub> HPO <sub>4</sub>	98

#### III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

**1. Mức xếp loại nguy hiểm** (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

GHS: không có dữ liệu

NFPA: H2 F0 R1

HMIS: H2 F0 R1 E

**2. Cảnh báo nguy hiểm**

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc: sản phẩm không tự cháy

- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: tránh tiếp xúc trực tiếp với mắt và da.

**3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng**

- Đường mắt: Có thể gây kích ứng khi tiếp xúc, đau, đỏ, mờ.

- Đường thở: cảm giác đốt nóng, ho, thở nhanh, đau cổ họng, bệnh đường hô hấp bao gồm cả bệnh hen suyễn và khí phế thũng có thể trầm trọng hơn khi nồng độ bụi cao.

- Đường da: tiếp xúc kéo dài có thể gây ra một số kích thích.

- Đường tiêu hóa: đau bụng, cảm giác nóng rát, sốc và bất tỉnh, số lượng nhỏ không có khả năng gây ra hiệu ứng độc hại, số lượng lớn có thể dẫn đến rối loạn dạ dày-ruột.

#### IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

##### 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

Rửa mắt với số lượng lớn nước cho ít nhất 10 phút. Nếu kích thích vẫn còn tồn tại, nhờ sự chăm sóc y tế.

##### 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

Cần rửa sạch với xà phòng và nước.

##### 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Nếu bị kích ứng mũi và đường hô hấp trên, cần không khí trong lành. Điều trị triệu chứng.

##### 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Nếu nuốt phải cần gây nôn dạ dày loãng với nước. Nhờ chăm sóc y tế.

##### 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

#### V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

##### 1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...)

##### 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Khí amoniac và các oxit nito

##### 3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...)

##### 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác

Sử dụng các bình chữa cháy thông thường.

##### 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

Sử dụng dụng cụ thở khép kín.

##### 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)

#### VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Tránh tiếp xúc với da. Thu gom hóa chất cho vào túi nhựa. Không tái sử dụng được có thể được xử lý trong nơi qui định. Tránh làm tăng bụi. Thông gió khu vực và rửa thật kỹ nơi hóa chất bị rơi đổ.

#### VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

##### 1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)

Tránh tiếp xúc trực tiếp, tiếp xúc phải có trang bị bảo vệ cá nhân (kính che mắt, khẩu trang lọc bụi hoá chất, găng tay...).

Thông gió, hút bụi khi thao tác.

##### 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Bao bì phải bền, kín khí. Không để chung với các chất xung khắc. Không để lẫn với thực phẩm và các đồ dùng ăn uống.

Nơi lưu chứa phải thoáng mát, khô ráo, có dấu hiệu cảnh báo hoá chất nguy hiểm.

#### VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

##### 1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc...)

Khi vào kho phải làm thông thoáng kho, tiếp xúc phải có trang bị bảo vệ cá nhân, không ăn uống hút thuốc khi làm việc.

Trang bị bảo vệ cá nhân, phương tiện làm việc phải làm sạch trước và sau khi sử dụng.

## 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

- Bảo vệ mắt: kính che mắt, khẩu trang lọc bụi hoá chất, mặt nạ lọc bụi hoá chất
- Bảo vệ thân thể: quần áo bảo hộ lao động
- Bảo vệ tay: găng cao su, nhựa không thấm nước.
- Bảo vệ chân: giày, ủng không thấm nước

## 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

Phương tiện bảo hộ cá nhân, hệ thống thông gió.

## 4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)

### IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: hạt rắn	Điểm sôi (°C): không phù hợp
Màu sắc: màu trắng	Điểm nóng chảy (°C): không phù hợp
Mùi đặc trưng: mùi khai nhẹ	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: <1 mmHg ở 20°C	Nhiệt độ tự cháy (°C): chưa có thông tin
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: chưa có thông tin	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp
Độ hòa tan trong nước: 588g/l ở 20°C	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): không phù hợp
Độ PH: 8	Tỷ lệ hóa hơi: chưa có thông tin
Khối lượng riêng (kg/m <sup>3</sup> ): 1.619 kg/dm <sup>3</sup> ở 20°C	Các tính chất khác nếu có

### X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Ổn định

#### 2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy;
- Các phản ứng nguy hiểm (ăn mòn, cháy, nổ, phản ứng với môi trường xung quanh);
- Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung ...): Khí Amoniac và các oxit nito
- Phản ứng trùng hợp.

### XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Diamon photphat	LD 50	3000mg/kg	Miệng	Chuột
	TWA	15mg/m 38hr	Thở bụi	Người

(T) TWA (R) (OSH A PEL)	5mg/m <sup>3</sup> 8hr		
TWA (I) TWA (R) (ACGI H)	10mg/m <sup>3</sup> , 8Hr 3 mg/m <sup>3</sup> , 8Hr	Thở bụi	Người

**1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...)**

Không được coi là chất gây ung thư.

**2. Các ảnh hưởng độc khác:** Chưa có thông tin

**XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

**1. Độc tính với sinh vật**

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Diamon photphat	Cá	96 giờ	LC 50 155mg/l

**2. Tác động trong môi trường**

- Mức độ phân hủy sinh học
- Chỉ số BOD và COD
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học

**XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ**

**1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)**

**2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải**

- Mã chất thải theo TT12/2011/TT-BTNMT : 02 10 01
- Mã EC : 06 10 02 - Mã Basel (A/B): A 4090 Mã Basel (Y) : Y 34
- Tính chất nguy hại chính : AM, Đ

**3. Biện pháp tiêu hủy:** Không được thải bỏ trực tiếp ra môi trường.

**4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:** Phân bón nông nghiệp

**XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN**

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy						

<p>định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</p> <p>- Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.</p>						
<p>Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...</p>						

### **XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ**

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)**
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**

### **XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC**

Ngày tháng biên soạn Phiếu:

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 28-10-2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc